

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2025/DS-ST
Ngày 30-5-2025
V/v "Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư **Bùi Trần Phú T1** – Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Anh **Tạ Văn D**, sinh năm 1985 và chị **Châu Cẩm H**, sinh năm 1988, cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1997, địa chỉ cư trú: H, khóm F, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh T, Luật sư T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh D có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ngày 26/10 và ngày 04/11/2024 anh T có bán cho anh D và chị H lô cá sặc bổi với tổng số lượng là 1.133 bao cá, tổng trọng lượng là 22.660 kg, tổng giá trị là 1.971.420.000 đồng. Sau đó, anh D chê cá không đẹp, ngày 08/11/2024 anh D gửi cho anh L (người chở thuê) chở để trả lại cho anh T 302 bao cá, tổng trọng lượng là 6.040 kg, tổng giá trị là 536.120.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh D và chị H phải trả cho anh T là 1.029.680.000 đồng, ngày 06 và ngày 07/11/2024 anh D và chị H chuyển khoản (04 lần) gửi trả cho anh T tổng số tiền 623.940.000 đồng, còn nợ lại anh T số tiền 405.740.000 đồng. Cả 02 lần giao hàng, ông T đã giao hàng cho anh Nguyễn Văn L là tài xế chạy thuê cho chủ xe là ông Lâm Thiện T2, để giao cho anh Tạ Văn D và chị Châu Cẩm H. Sau đó, anh D chê cá không đẹp, nên ngày 08/11/2024 anh D giao anh L chở để trả lại cho anh T 302 bao cá, tổng trọng lượng là 6.040 kg, tổng giá trị là 536.120.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh Tạ Văn D và chị Châu Cẩm H phải trả cho anh T là 1.029.680.000 đồng, anh D và chị H có chuyển khoản gửi trả cho anh T số tiền 623.940.000 đồng, còn nợ lại số tiền 405.740.000 đồng và chi phí thuê xe chở hàng số tiền là 40.260.000 đồng, tổng cộng là 446.000.000 đồng. Anh T nhiều lần liên hệ để yêu cầu anh D và chị H phải thanh toán số tiền còn nợ và tiền thuê xe chở hàng, anh D và chị H vẫn không thực hiện. Nay, anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh Tạ Văn D và chị Châu Cẩm H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh T tổng số tiền là 453.430.000 đồng (tiền gốc 405.740.000 đồng, chi phí thuê xe 40.260.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ 7.430.000 đồng ($446.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 09/11/2024 đến ngày 09/01/2025)).

***/ Đối với bị đơn anh Tạ Văn D, chị Châu Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L:** Từ khi thụ lý, Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Tạ Văn D, chị Châu Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn bị đơn anh Tạ Văn D, chị Châu Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, có cung cấp cho Tòa án 01 (một) Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 19/02/2025, sau đó anh T cung cấp tiếp cho Tòa án 01 (một) Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 23/5/2025, anh T xin rút lại đối với yêu cầu anh D và chị H trả chi phí thuê xe chở hàng 40.260.000 đồng, anh T chỉ yêu cầu anh D và chị H trả tiền gốc 405.740.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, Luật sư T1 có cung cấp cho Toà án 01 (một) Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 25/5/2025, sau đó Luật sư T1 cung cấp tiếp cho Toà án 01 (một) bản Luận cứ đề ngày 23/5/2025, Luật sư đưa các căn cứ, đề từ đó đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh D và chị H trả cho anh T tiền gốc 405.740.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025, bằng $= 405.740.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 22.563.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 428.303.000 đồng.

- Đối với bị đơn chị Châu Cẩm H vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Tạ Văn D có mặt và anh D xác định:

Anh D và anh T ngày 26/10 và ngày 04/11/2024, anh D có nhận lô cá sặc bồi với số lượng, trọng lượng, giá trị, số tiền gửi chuyển khoản, cũng như số tiền còn nợ của anh T xác định là đúng, nhưng anh D chỉ nhận tiền công từ anh T. Quá trình làm ăn, anh T nhiều lần vi phạm hợp đồng, giao hàng không đúng chất lượng, anh D phải bù hàng cho đối tác khác, các đối tác này vẫn còn thiếu tiền của anh D rất nhiều, anh T đã tác động các đối tác này để không trả tiền cho anh D, nếu các đối tác này trả tiền cho anh D, thì anh D đồng ý trả số tiền còn lại cho anh T3. Việc làm ăn chỉ là giữa anh D với anh T, tiền công mà anh T trả cho anh D, anh D sử dụng riêng, không có dùng vào việc chi tiêu chung của gia đình, chị H là vợ anh D không có liên quan gì, anh T lại kiện chị H cùng có trách nhiệm với anh D là không đúng.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, đối với bị đơn chị Châu Cẩm H đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Toà án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D liên đới trả cho anh T chi phí thuê xe số tiền 40.260.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền 405.740.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ lãi suất 0,83%/tháng (tính từ ngày 09/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025); về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T, Luật sư Bùi Trần Phú T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chị Châu Cẩm H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với các đương sự như đã nêu trên, là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh T khởi kiện yêu cầu anh D và chị H có trách nhiệm trả tiền, xuất phát từ anh D và chị H mua cá sặc bổi còn thiếu số tiền 405.740.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật ở vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, đồng thời bị đơn anh D và chị H có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 23/5/2025, anh T xin rút lại yêu cầu chị H và anh D trả chi phí thuê xe số tiền 40.260.000 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của anh T, là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, thấy rằng:

Anh T khởi kiện cho rằng: Ngày 26/10 và ngày 04/11/2024 anh T có bán cho anh D và chị H lô cá sặc bổi với tổng số lượng là 1.133 bao cá, tổng trọng lượng là 22.660 kg, tổng giá trị là 1.971.420.000 đồng. Sau đó, anh D chê cá không đẹp, ngày 08/11/2024 anh D gửi cho anh L (người chở thuê) chở để trả lại cho anh T 302 bao cá, tổng trọng lượng là 6.040 kg, tổng giá trị là 536.120.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh D và chị H phải trả cho anh T là 1.029.680.000 đồng, ngày 06 và ngày 07/11/2024 anh D và chị H chuyển khoản (04 lần) gửi trả cho anh T tổng số tiền 623.940.000 đồng, còn nợ lại anh T số tiền 405.740.000 đồng, nên anh T khởi kiện yêu cầu anh D và chị H có trách nhiệm trả số tiền 405.740.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 09/11/2024.

Đối với anh L có mặt phiên toà ngày 23/5/2025, anh L xác định:

Ngày 26/10 và ngày 04/11/2024, anh L có nhận chở thuê cho anh T để giao cho anh D và chị H lô cá sặc bổi với tổng số lượng là 1.133 bao cá. Đến ngày 08/11/2024, anh L có nhận từ anh D 302 cá sặc bổi để chở trả lại cho anh T. Còn việc, thanh toán tiền giữa anh T với anh D và chị H như thế nào thì anh L không biết.

Đối với chị H vắng mặt.

Anh D có mặt xác định, giữa anh D và anh T ngày 26/10 và ngày 04/11/2024, anh D có nhận lô cá sặc bổi với số lượng, trọng lượng, giá trị, số tiền gửi chuyển khoản, cũng như số tiền còn nợ của anh T xác định là đúng, nhưng anh D chỉ nhận tiền công từ anh T. Quá trình làm ăn, anh T nhiều lần vi phạm hợp đồng, giao hàng

không đúng chất lượng, anh D phải bù hàng cho đối tác khác, các đối tác này vẫn còn thiếu tiền của anh D rất nhiều, anh T đã tác động các đối tác này để không trả tiền cho anh D, nếu các đối tác này trả tiền cho anh D, thì anh D đồng ý trả số tiền còn lại cho anh T3. Việc làm ăn chỉ là giữa anh D với anh T, tiền công mà anh T trả cho anh D, anh D sử dụng riêng, không có dùng vào việc chi tiêu chung của gia đình, chị H là vợ anh D không có liên quan gì, anh T lại kiện chị H cùng có trách nhiệm với anh D là không đúng.

Xét, anh D thừa nhận nợ anh T số tiền 405.740.000 đồng, căn cứ Điều 72, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét đây là tình tiết, sự kiện có thật, không cần phải chứng minh. Anh D cho rằng, mục đích anh D nhận hàng và bán lại cho các đối tác khác để được anh T trả tiền công, nhưng anh D lại không có chứng cứ gì để chứng minh. Nếu, anh D cho rằng các đối tác khác còn nợ tiền của anh D, thì anh D có quyền khởi kiện đối với các đối tác để xem xét và giải quyết ở vụ án khác, anh D lấy lý do các đối tác không trả nợ cho anh D, anh D mới trả số tiền còn lại cho anh T là không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, có cơ sở để xác định giữa anh T với anh D và chị H có giao dịch hợp đồng (bằng lời nói) là mua bán cá sặc bổi, đến nay anh D và chị H còn nợ anh T số tiền là 405.740.000 đồng. Tại thời điểm giao dịch làm ăn với anh T, giữa anh D và chị H tồn tại quan hôn nhân, việc làm ăn mục đích để tạo ra thu nhập, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho vợ chồng anh D và chị H, nên anh D và chị H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh T theo quy định tại các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, việc anh D cho rằng chị H là vợ anh D không có trách nhiệm hoặc liên quan gì là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng (là 06 tháng 21 ngày - tính từ ngày 09/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2025) x 405.740.000 đồng = 22.563.000 đồng, theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, là có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích như đã nêu trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh D và chị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh T tổng số tiền là 428.303.000 đồng.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T, anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí, buộc anh D và chị H phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 21.132.000 đồng – làm tròn số (số tiền buộc anh D và chị H trả cho anh T là 428.303.000 đồng = 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Các điều 30, 37 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, buộc bị đơn chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền **428.303.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Kể từ ngày anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D không thi hành xong khoản tiền trên, thì chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T chi phí thuê xe số tiền 40.260.000 đồng.

3/ Về án phí:

Buộc chị Châu Cẩm H và anh Tạ Văn D phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 21.132.000 đồng (Hai mươi một triệu một trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Anh Nguyễn Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 11.069.000 đồng (Mười một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tại Biên lai thu 0005160 ngày 04/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4/ Về quyền kháng cáo:

Đối với bị đơn anh Tạ Văn D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Châu Cẩm H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu án văn (01b).

Lâm Thành Quang